



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH BỔ SUNG ĐĂNG KÝ NHẬP HỌC LỚP 6
NĂM HỌC: 2021-2022
TRƯỜNG: THCS HÒA HƯNG

STT	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Ghi chú
1	ĐỖ HOÀI AN	Nữ	03	01	2010	
2	ĐỖ HOÀNG PHÚC ÂN	Nam	21	05	2010	
3	HÀ LÝ QUỐC HUY	Nam	05	07	2010	
4	HOÀNG NGỌC TRÂM	Nữ	23	10	2010	
5	HUỲNH THIÊN LỘC	Nam	02	4	2010	
6	LÂM NHẬT BẢO LONG	Nam	10	10	2010	
7	LÊ HOÀNG NGUYÊN	Nam	10	07	2010	
8	LÊ NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	29	09	2010	
9	NGÔ ĐIỀN ANH THƯ	Nữ	11	01	2010	
10	NGUYỄN CÁT XUÂN NHIÊN	Nữ	31	3	2010	
11	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	10	12	2010	
12	NGUYỄN PHÚC VINH	Nam	04	04	2010	
13	NGUYỄN VÕ ÁNH THẢO	Nữ	25	06	2010	
14	PHẠM NGUYỄN TUẤN KHANG	Nam	10	8	2010	
15	QUÁCH ĐĂNG THANH	Nam	06	3	2010	
16	TRẦN BẢO HIẾU NGHĨA	Nam	01	11	2010	
17	BÙI NGỌC HÀ MY	Nữ	9	10	2010	
18	ĐỖ MINH HUY	Nam	25	01	2010	
19	HỒNG HUY PHƯỚC	Nam	23	3	2010	
20	LÊ BẢO NGỌC	Nữ	08	8	2010	
21	LE MINH CHÍNH THUẬN	Nam	11	12	2010	
22	Lê Trần Tiểu My	Nữ	9	9	2010	
23	NGUYỄN HUỲNH MINH THƯ	Nữ	17	10	2010	
24	NGUYỄN TIẾN MẠNH	Nam	11	01	2010	
25	PHẠM NHẬT TRƯỜNG	Nam	26	05	2010	
26	PHAN HOÀNG PHÁT	Nam	9	4	2010	
27	TRẦN NGỌC BẢO CHÂU	Nữ	17	10	2010	
28	TRANG QUANG HUY	Nam	27	6	2010	
29	TRƯƠNG HUỲNH KHÁNH HOÀNG	Nam	09	11	2010	
30	TRƯƠNG HUỲNH KHÁNH HUY	Nam	13	11	2010	
31	VIÊN PHẠM MINH LUÂN	Nam	20	09	2010	
32	VŨ CÔNG ANH PHÚC	Nam	03	01	2010	

Tổng cộng danh sách có 32 học sinh./.



STT		HỌ TÊN		QUÂN QUẢN		TỔNG CỘNG	
1		NGUYỄN VĂN A		10		10	
2		NGUYỄN VĂN B		15		15	
3		NGUYỄN VĂN C		20		20	
4		NGUYỄN VĂN D		25		25	
5		NGUYỄN VĂN E		30		30	
6		NGUYỄN VĂN F		35		35	
7		NGUYỄN VĂN G		40		40	
8		NGUYỄN VĂN H		45		45	
9		NGUYỄN VĂN I		50		50	
10		NGUYỄN VĂN J		55		55	
11		NGUYỄN VĂN K		60		60	
12		NGUYỄN VĂN L		65		65	
13		NGUYỄN VĂN M		70		70	
14		NGUYỄN VĂN N		75		75	
15		NGUYỄN VĂN O		80		80	
16		NGUYỄN VĂN P		85		85	
17		NGUYỄN VĂN Q		90		90	
18		NGUYỄN VĂN R		95		95	
19		NGUYỄN VĂN S		100		100	
20		NGUYỄN VĂN T		105		105	
21		NGUYỄN VĂN U		110		110	
22		NGUYỄN VĂN V		115		115	
23		NGUYỄN VĂN W		120		120	
24		NGUYỄN VĂN X		125		125	
25		NGUYỄN VĂN Y		130		130	
26		NGUYỄN VĂN Z		135		135	
27		NGUYỄN VĂN AA		140		140	
28		NGUYỄN VĂN AB		145		145	
29		NGUYỄN VĂN AC		150		150	
30		NGUYỄN VĂN AD		155		155	
31		NGUYỄN VĂN AE		160		160	
32		NGUYỄN VĂN AF		165		165	
33		NGUYỄN VĂN AG		170		170	
34		NGUYỄN VĂN AH		175		175	
35		NGUYỄN VĂN AI		180		180	
36		NGUYỄN VĂN AJ		185		185	
37		NGUYỄN VĂN AK		190		190	
38		NGUYỄN VĂN AL		195		195	
39		NGUYỄN VĂN AM		200		200	
40		NGUYỄN VĂN AN		205		205	
41		NGUYỄN VĂN AO		210		210	
42		NGUYỄN VĂN AP		215		215	
43		NGUYỄN VĂN AQ		220		220	
44		NGUYỄN VĂN AR		225		225	
45		NGUYỄN VĂN AS		230		230	
46		NGUYỄN VĂN AT		235		235	
47		NGUYỄN VĂN AU		240		240	
48		NGUYỄN VĂN AV		245		245	
49		NGUYỄN VĂN AW		250		250	
50		NGUYỄN VĂN AX		255		255	
51		NGUYỄN VĂN AY		260		260	
52		NGUYỄN VĂN AZ		265		265	
53		NGUYỄN VĂN BA		270		270	
54		NGUYỄN VĂN BB		275		275	
55		NGUYỄN VĂN BC		280		280	
56		NGUYỄN VĂN BD		285		285	
57		NGUYỄN VĂN BE		290		290	
58		NGUYỄN VĂN BF		295		295	
59		NGUYỄN VĂN BG		300		300	
60		NGUYỄN VĂN BH		305		305	
61		NGUYỄN VĂN BI		310		310	
62		NGUYỄN VĂN BJ		315		315	
63		NGUYỄN VĂN BK		320		320	
64		NGUYỄN VĂN BL		325		325	
65		NGUYỄN VĂN BM		330		330	
66		NGUYỄN VĂN BN		335		335	
67		NGUYỄN VĂN BO		340		340	
68		NGUYỄN VĂN BP		345		345	
69		NGUYỄN VĂN BQ		350		350	
70		NGUYỄN VĂN BR		355		355	
71		NGUYỄN VĂN BS		360		360	
72		NGUYỄN VĂN BT		365		365	
73		NGUYỄN VĂN BU		370		370	
74		NGUYỄN VĂN BV		375		375	
75		NGUYỄN VĂN BW		380		380	
76		NGUYỄN VĂN BX		385		385	
77		NGUYỄN VĂN BY		390		390	
78		NGUYỄN VĂN BZ		395		395	
79		NGUYỄN VĂN CA		400		400	
80		NGUYỄN VĂN CB		405		405	
81		NGUYỄN VĂN CC		410		410	
82		NGUYỄN VĂN CD		415		415	
83		NGUYỄN VNĐ CE		420		420	
84		NGUYỄN VNĐ CF		425		425	
85		NGUYỄN VNĐ CG		430		430	
86		NGUYỄN VNĐ CH		435		435	
87		NGUYỄN VNĐ CI		440		440	
88		NGUYỄN VNĐ CJ		445		445	
89		NGUYỄN VNĐ CK		450		450	
90		NGUYỄN VNĐ CL		455		455	
91		NGUYỄN VNĐ CM		460		460	
92		NGUYỄN VNĐ CN		465		465	
93		NGUYỄN VNĐ CO		470		470	
94		NGUYỄN VNĐ CP		475		475	
95		NGUYỄN VNĐ CQ		480		480	
96		NGUYỄN VNĐ CR		485		485	
97		NGUYỄN VNĐ CS		490		490	
98		NGUYỄN VNĐ CT		495		495	
99		NGUYỄN VNĐ CU		500		500	
100		NGUYỄN VNĐ CV		505		505	